

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ  
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1510 /NMĐSH1-TM-KTATMT  
V/v cung cấp báo giá gói thầu “Cung cấp  
dịch vụ Bảo trì thang máy tòa nhà hành  
chính, Lò 1, 2, nhà CCB, ống khói của NMĐ  
Sông Hậu 1”

Cần Thơ, ngày 30 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đang có nhu cầu triển khai mua sắm gói thầu SH2026-084 “Cung cấp dịch vụ Bảo trì thang máy tòa nhà hành chính, Lò 1, 2, nhà CCB, ống khói của NMĐ Sông Hậu 1”, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 kính đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như Phụ lục đính kèm.
2. Tiến độ cung cấp: Tháng 09/2026.
3. Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 14h00 ngày 13 /7/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: yêu cầu các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên đóng dấu đỏ của Công ty) qua email theo địa chỉ dưới đây.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Hàng Thị Liên, Phòng Thương Mại - NMĐ Sông Hậu 1

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

Email: haipdm@pvpgb.vn; longpx@pvpgb.vn; lienht@pvpgb.vn;  
nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (đề b/c);
- Lưu: VT, PTM (HTL).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK  
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lương Khánh Duy**

**PHỤ LỤC PHẠM VI CÔNG VIỆC GÓI THẦU SH2026-084: “CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO TRÌ THANG MÁY TÒA NHÀ HÀNH CHÍNH, LÒ 1, 2, NHÀ CCB, ỒNG KHÓI CỦA NMD SÔNG HẬU 1”**

(Đính kèm Công văn số 1510/TM-KTATMT ngày 30 / 6 /2026)

**1. Thông số kỹ thuật**

| <b>I. Thang máy khu vực ống khói</b>                   |                                                                               |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Mã hiệu                                                | STROS NOV 412 UP                                                              |
| Số lượng                                               | 1                                                                             |
| Số điểm dừng                                           | 0.5                                                                           |
| Tải trọng (kg)                                         | 400                                                                           |
| Vận tốc định mức (m/s)                                 | 1                                                                             |
| Thời gian vận hành lần đầu:                            | Tháng 7 năm 2020                                                              |
| <b>II. Thang máy khu vực lò hơi</b>                    |                                                                               |
| Mã hiệu                                                | MR CARGO LIFT 2000KG 10/10*1200 CENTER OPENING                                |
| Số lượng                                               | 2                                                                             |
| Số điểm dừng                                           | 10                                                                            |
| Tải trọng (kg)                                         | 2000                                                                          |
| Vận tốc định mức (m/s)                                 | 5                                                                             |
| Thời gian vận hành lần đầu:                            | - Tháng 11 năm 2020 (Thang máy lò 1).<br>- Tháng 12 năm 2020 (Thang máy lò 2) |
| <b>III. Thang máy khu vực nhà điều khiển trung tâm</b> |                                                                               |
| Mã hiệu                                                | DDE-F3000 – 4CO2000 – 60mpm – 04Stop                                          |
| Số lượng                                               | 1                                                                             |
| Số điểm dừng                                           | 4                                                                             |
| Tải trọng (kg)                                         | 3000                                                                          |
| Vận tốc định mức (m/s)                                 | 1                                                                             |
| Thời gian vận hành lần đầu:                            | Tháng 11 năm 2019                                                             |
| <b>IV. Thang máy khu vực nhà Admin</b>                 |                                                                               |
| Mã hiệu                                                | DDE-F1000 – 2CO1000 – 60mpm – 03Stop                                          |
| Số lượng                                               | 1                                                                             |
| Số điểm dừng                                           | 3                                                                             |
| Tải trọng (kg)                                         | 1000                                                                          |
| Vận tốc định mức (m/s)                                 | 1                                                                             |
| Thời gian vận hành lần đầu:                            | Tháng 01 năm 2022                                                             |

PHẠ  
TẬP  
- N  
4/VI

## 2. Phạm vi công việc bảo trì thang máy

| STT    | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                            | Số lượng<br>thang máy | Số lần thực hiện                                          |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1      | Kiểm tra bảo dưỡng thang máy 1 tháng 1 lần                                                                                                                                                                                                                                    |                       | 12 lần không bao gồm hạng mục kiểm tra 3 tháng và 6 tháng |
| 1.1    | <b>Thang máy Nhà Admin</b>                                                                                                                                                                                                                                                    | 1                     |                                                           |
| 1.1.1  | - Khoá cửa và cửa sổ.<br>- Sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy.<br>- Hệ thống chiếu sáng, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong phòng máy<br>- Vệ sinh phòng máy                                                                                                     |                       | 12                                                        |
| 1.1.2  | - Động cơ kéo, HGT, thắng điện từ, bộ bảo vệ vượt tốc (rò xì, rì sét, lỏng lẻo, biến dạng...)<br>- Tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển như: relay, contactor và các thiết bị trong tủ điện<br>- Vệ sinh tủ điện                                                           |                       | 12                                                        |
| 1.1.3  | Buồng thang:<br>- Sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, sự di chuyển.<br>- Thang safety-shoes và các thiết bị khác làm cho cửa mở trở lại (photocell,...).<br>- Lau chùi mặt kính của photocell, chuông dừng tầng (nếu có), quạt làm mát phòng thang. |                       | 12                                                        |
| 1.1.4  | - Sự tác dụng của các nút nhấn, các vít định vị.<br>- Sự hoạt động của các nút gọi tầng.<br>- Các đèn báo tầng, chiều, các khóa cứu hộ, tình trạng cửa tầng                                                                                                                   |                       | 12                                                        |
| 1.1.5  | Hệ thống chiếu sáng trong buồng thang                                                                                                                                                                                                                                         |                       | 12                                                        |
| 1.1.6  | Kiểm tra sự hoạt động, sự rò rỉ nhiều hệ thống liên lạc khẩn cấp                                                                                                                                                                                                              |                       | 12                                                        |
| 1.1.7  | Kiểm tra đèn đáy cabin, hộp hứng nhớt, các switch bảo vệ dưới hố thang                                                                                                                                                                                                        |                       | 12                                                        |
| 1.1.8  | Kiểm tra sự hoạt động khoá, switch an toàn                                                                                                                                                                                                                                    |                       | 12                                                        |
| 1.1.9  | - Kiểm tra khoá door lock, tiếp điểm door lock.<br>- Vệ sinh, cân chỉnh các khóa door lock                                                                                                                                                                                    |                       | 12                                                        |
| 1.1.10 | - Kiểm tra độ rộng, khoảng cách tác động. Kiểm tra các bánh xe, vệ sinh, hiệu chỉnh các tiếp điểm.<br>- Kiểm tra các đầu dây.                                                                                                                                                 |                       | 12                                                        |
| 1.1.11 | - Kiểm tra hoạt động của thang máy khi ấn nút gọi.<br>- Kiểm tra độ chính xác dừng tầng tại các tầng dừng.                                                                                                                                                                    |                       | 12                                                        |
| 1.1.12 | Xử lý sự cố, bất thường (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                              |                       | 2                                                         |
| 1.2    | <b>Thang máy lò S1</b>                                                                                                                                                                                                                                                        | 1                     | 12                                                        |
| 1.2.1  | - Khoá cửa và cửa sổ.<br>- Sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy.<br>- Hệ thống chiếu sáng, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong phòng máy<br>- Vệ sinh phòng máy                                                                                                     |                       | 12                                                        |
| 1.2.2  | - Động cơ kéo, HGT, thắng điện từ, bộ bảo vệ vượt tốc (rò xì, rì sét, lỏng lẻo, biến dạng...)<br>- Tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển như: relay, contactor và các thiết bị trong tủ điện<br>- Vệ sinh tủ điện                                                           |                       | 12                                                        |
| 1.2.3  | Buồng thang:<br>- Sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, sự di chuyển.<br>- Thang safety-shoes và các thiết bị khác làm cho cửa mở trở lại (photocell,...).<br>- Lau chùi mặt kính của photocell, chuông dừng tầng (nếu có), quạt làm mát phòng thang. |                       | 12                                                        |
| 1.2.4  | - Sự tác dụng của các nút nhấn, các vít định vị.<br>- Sự hoạt động của các nút gọi tầng.<br>- Các đèn báo tầng, chiều, các khóa cứu hộ, tình trạng cửa tầng                                                                                                                   |                       | 12                                                        |
| 1.2.5  | Hệ thống chiếu sáng trong buồng thang.                                                                                                                                                                                                                                        |                       | 12                                                        |
| 1.2.6  | Kiểm tra sự hoạt động, sự rò rỉ nhiều hệ thống liên lạc khẩn cấp                                                                                                                                                                                                              |                       | 12                                                        |
| 1.2.7  | Kiểm tra đèn đáy cabin, hộp hứng nhớt, các switch bảo vệ dưới hố thang                                                                                                                                                                                                        |                       | 12                                                        |
| 1.2.8  | Kiểm tra sự hoạt động khoá, switch an toàn                                                                                                                                                                                                                                    |                       | 12                                                        |
| 1.2.9  | - Kiểm tra khoá door lock, tiếp điểm door lock.<br>- Vệ sinh, cân chỉnh các khóa door lock                                                                                                                                                                                    |                       | 12                                                        |
| 1.2.10 | - Kiểm tra độ rộng, khoảng cách tác động. Kiểm tra các bánh xe, vệ sinh, hiệu chỉnh các tiếp điểm.<br>- Kiểm tra các đầu dây.                                                                                                                                                 |                       | 12                                                        |
| 1.2.11 | - Kiểm tra hoạt động của thang máy khi ấn nút gọi.<br>- Kiểm tra độ chính xác dừng tầng tại các tầng dừng.                                                                                                                                                                    |                       | 12                                                        |
| 1.2.12 | Xử lý sự cố, bất thường (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                              |                       | 4                                                         |

100  
HI NH  
DIEN  
JAN C  
LUONG  
VIET N  
PHO

*[Signature]*

| STT    | Nội dung công việc                                                                                 | Số lượng<br>thang máy | Số lần thực hiện |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------|
| 1.3    | <b>Thang máy lò S2</b>                                                                             | 1                     | 12               |
| 1.3.1  | - Khoá cửa và cửa sổ.                                                                              |                       | 12               |
|        | - Sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy.                                                        |                       |                  |
|        | - Hệ thống chiếu sáng, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong phòng máy                         |                       |                  |
|        | - Vệ sinh phòng máy                                                                                |                       |                  |
| 1.3.2  | - Động cơ kéo, HGT, thắng điện từ, bộ bảo vệ vượt tốc (rò xì, rì sét, lỏng lẻo, biến dạng...)      |                       | 12               |
|        | - Tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển như: relay, contactor và các thiết bị trong tủ điện      |                       |                  |
|        | - Vệ sinh tủ điện                                                                                  |                       |                  |
| 1.3.3  | Buồng thang :                                                                                      |                       | 12               |
|        | - Sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, sự di chuyển.                      |                       |                  |
|        | - Thang safety-shoes và các thiết bị khác làm cho cửa mở trở lại (photocell,...).                  |                       |                  |
|        | - Lau chùi mặt kính của photocell, chuông dừng tầng (nếu có), quạt làm mát phòng thang.            |                       |                  |
| 1.3.4  | - Sự tác dụng của các nút nhấn, các vít định vị.                                                   |                       | 12               |
|        | - Sự hoạt động của các nút gọi tầng.                                                               |                       |                  |
|        | - Các đèn báo tầng, chiều, các khóa cứu hộ, tình trạng cửa tầng                                    |                       |                  |
| 1.3.5  | Hệ thống chiếu sáng trong buồng thang.                                                             |                       | 12               |
| 1.3.6  | Kiểm tra sự hoạt động, sự rò rỉ nhiều hệ thống liên lạc khẩn cấp                                   |                       | 12               |
| 1.3.7  | Kiểm tra đèn đáy cabin, hộp hứng nhớt, các switch bảo vệ dưới hố thang                             |                       | 12               |
| 1.3.8  | Kiểm tra sự hoạt động khoá, switch an toàn                                                         |                       | 12               |
| 1.3.9  | - Kiểm tra khoá door lock, tiếp điểm door lock.                                                    |                       | 12               |
|        | - Vệ sinh, cân chỉnh các khóa door lock                                                            |                       |                  |
| 1.3.10 | - Kiểm tra độ rộng, khoảng cách tác động. Kiểm tra các bánh xe, vệ sinh, hiệu chỉnh các tiếp điểm. |                       | 12               |
|        | - Kiểm tra các đầu dây.                                                                            |                       |                  |
| 1.3.11 | - Kiểm tra hoạt động của thang máy khi ấn nút gọi.                                                 |                       | 12               |
|        | - Kiểm tra độ chính xác dừng tầng tại các tầng dừng.                                               |                       |                  |
| 1.3.12 | Xử lý sự cố, bất thường (nếu có)                                                                   |                       | 4                |
| 1.4    | <b>Thang máy ống khói</b>                                                                          | 1                     |                  |
| 1.4.1  | - Khoá cửa và cửa sổ.                                                                              |                       | 12               |
|        | - Sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy.                                                        |                       |                  |
|        | - Hệ thống chiếu sáng, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong khoang máy                        |                       |                  |
|        | - Vệ sinh khoang máy                                                                               |                       |                  |
| 1.4.2  | - Động cơ kéo, HGT, thắng điện từ, bộ bảo vệ vượt tốc (rò xì, rì sét, lỏng lẻo, biến dạng...)      |                       | 12               |
|        | - Tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển như: relay, contactor và các thiết bị trong tủ điện      |                       |                  |
|        | - Vệ sinh tủ điện                                                                                  |                       |                  |
| 1.4.3  | - Sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, sự di chuyển.                      |                       | 12               |
|        | - Thang safety-shoes và các thiết bị khác làm cho cửa mở trở lại (photocell,...).                  |                       |                  |
|        | - Lau chùi mặt kính của photocell, chuông dừng tầng (nếu có), quạt làm mát phòng thang.            |                       |                  |
| 1.4.4  | - Sự tác dụng của các nút nhấn, các vít định vị.                                                   |                       | 12               |
|        | - Sự hoạt động của các nút gọi tầng.                                                               |                       |                  |
|        | - Các đèn báo tầng, chiều, các khóa cứu hộ, tình trạng cửa tầng                                    |                       |                  |
| 1.4.5  | Hệ thống chiếu sáng trong buồng thang.                                                             |                       | 12               |
| 1.4.6  | Kiểm tra sự hoạt động, sự rò rỉ nhiều hệ thống liên lạc khẩn cấp                                   |                       | 12               |
| 1.4.7  | Kiểm tra sự hoạt động khoá, switch an toàn                                                         |                       | 12               |
| 1.4.8  | - Kiểm tra khoá door lock, tiếp điểm door lock.                                                    |                       | 12               |
|        | - Vệ sinh, cân chỉnh các khóa door lock                                                            |                       |                  |
| 1.4.9  | - Kiểm tra độ rộng, khoảng cách tác động. Kiểm tra các bánh xe, vệ sinh, hiệu chỉnh các tiếp điểm. |                       | 12               |
|        | - Kiểm tra các đầu dây.                                                                            |                       |                  |
| 1.4.10 | - Kiểm tra hoạt động của thang máy khi ấn nút gọi.                                                 |                       | 12               |
|        | - Kiểm tra tín hiệu ánh sáng.                                                                      |                       |                  |
|        | - Kiểm tra độ chính xác dừng tầng tại các tầng dừng.                                               |                       |                  |
| 1.4.11 | Xử lý sự cố, bất thường (nếu có)                                                                   |                       | 2                |

5873  
NH  
AU KI  
G NGH  
XUOC C  
M  
HA

| STT    | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                            | Số lượng thang máy | Số lần thực hiện                                               |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------|
| 1.5    | <b>Thang máy nhà CCB</b>                                                                                                                                                                                                                                                      | 1                  |                                                                |
| 1.5.1  | - Khoá cửa và cửa sổ.<br>- Sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy.<br>- Hệ thống chiếu sáng, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong phòng máy<br>- Vệ sinh phòng máy                                                                                                     |                    | 12                                                             |
| 1.5.2  | - Động cơ kéo, HGT, thắng điện từ, bộ bảo vệ vượt tốc (rò rỉ, rỉ sét, lỏng lẻo, biến dạng...)<br>- Tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển như: relay, contactor và các thiết bị trong tủ điện<br>- Vệ sinh tủ điện                                                           |                    | 12                                                             |
| 1.5.3  | Buồng thang:<br>- Sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, sự di chuyển.<br>- Thang safety-shoes và các thiết bị khác làm cho cửa mở trở lại (photocell,...).<br>- Lau chùi mặt kính của photocell, chuông dừng tầng (nếu có), quạt làm mát phòng thang. |                    | 12                                                             |
| 1.5.4  | - Sự tác dụng của các nút nhấn, các vít định vị.<br>- Sự hoạt động của các nút gọi tầng.<br>- Các đèn báo tầng, chiều, các khóa cứu hộ, tình trạng cửa tầng                                                                                                                   |                    | 12                                                             |
| 1.5.5  | Hệ thống chiếu sáng trong buồng thang.                                                                                                                                                                                                                                        |                    | 12                                                             |
| 1.5.6  | Kiểm tra sự hoạt động, sự rò rỉ nhiều hệ thống liên lạc khẩn cấp                                                                                                                                                                                                              |                    | 12                                                             |
| 1.5.7  | Kiểm tra đèn đáy cabin, hộp hứng nhớt, các switch báo bề dưới hố thang                                                                                                                                                                                                        |                    | 12                                                             |
| 1.5.8  | Kiểm tra sự hoạt động khoá, switch an toàn                                                                                                                                                                                                                                    |                    | 12                                                             |
| 1.5.9  | - Kiểm tra khoá door lock, tiếp điểm door lock.<br>- Vệ sinh, cân chỉnh các khoá door lock                                                                                                                                                                                    |                    | 12                                                             |
| 1.5.10 | - Kiểm tra độ rộng, khoảng cách tác động.<br>- Kiểm tra các bánh xe, vệ sinh, hiệu chỉnh các tiếp điểm.<br>- Kiểm tra các đầu dây.                                                                                                                                            |                    | 12                                                             |
| 1.5.11 | - Kiểm tra hoạt động của thang máy khi ấn nút gọi.<br>- Kiểm tra độ chính xác dừng tầng tại các tầng dừng.                                                                                                                                                                    |                    | 12                                                             |
| 1.5.12 | Xử lý sự cố, bất thường (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                              |                    | 2                                                              |
| 2      | <b>Kiểm tra bảo dưỡng thang máy 3 tháng 1 lần</b>                                                                                                                                                                                                                             | 1                  | Không bao gồm hạng mục kiểm tra định kỳ hàng tháng và 06 tháng |
| 2.1    | <b>Thang máy Nhà Admin</b>                                                                                                                                                                                                                                                    |                    |                                                                |
| 2.1.1  | Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully                                                                                                                                                                                                                                   |                    | 2                                                              |
| 2.1.2  | Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đè hộp gate, bánh xe hộp gate, thống cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ...                                                                                        |                    | 2                                                              |
| 2.1.3  | Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...                                                                                                                                                                                          |                    | 2                                                              |
| 2.1.4  | Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.                                                                                                    |                    | 2                                                              |
| 2.1.5  | Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng ồn, càn chống trật cáp. Sự cháy rỉ nhớt ở các mặt xích                                                                                                                                                                      |                    | 2                                                              |
| 2.1.6  | Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng                                                                                                                                                                                          |                    | 2                                                              |
| 2.1.7  | Các dây dẫn, bộ encoder                                                                                                                                                                                                                                                       |                    | 2                                                              |
| 2.1.8  | - Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa, Sill cửa tầng, góc mép cửa<br>- Đèn hiển thị, nút nhấn                                                                                                                                                    |                    | 2                                                              |
| 2.1.9  | Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)                                                                                                                                |                    | 2                                                              |
| 2.1.10 | Độ sáng và sự tác động của photocell                                                                                                                                                                                                                                          |                    | 2                                                              |
| 2.1.11 | Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ                                                                                                                                                                                                                           |                    | 2                                                              |
| 2.1.12 | Sự gá lắp, tâm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buộc...                                                                                                                                                                  |                    | 2                                                              |
| 2.1.13 | Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,                                                                                                                                                                                            |                    | 2                                                              |
| 2.1.14 | - Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có)<br>- Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung                                                                                        |                    | 2                                                              |
| 2.1.15 | Sự gá lắp, các bracket, các đà già...                                                                                                                                                                                                                                         |                    | 2                                                              |
| 2.1.16 | Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hố thang, các bulong, vít định vị                                                                                                                                                                                 |                    | 2                                                              |
| 2.1.17 | Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hố thang, domino, các hộp giới hạn...                                                                                                                                                                                                     |                    | 2                                                              |
| 2.1.18 | Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor                                                                                                                             |                    | 2                                                              |

| STT        | Nội dung công việc                                                                                                                                                                    | Số lượng thang máy | Số lần thực hiện |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|
| 2.1.19     | Bulông định vị, đèn dây cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded                                                                                                             |                    | 2                |
| 2.1.20     | Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dây bộ thắng, khe hở bộ thắng                                                                                                                         |                    | 2                |
| 2.1.21     | Kiểm tra tình trạng động cơ quạt                                                                                                                                                      |                    | 2                |
| 2.1.22     | Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động                                                                                                        |                    | 2                |
| 2.1.23     | Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.                                                                                                      |                    | 2                |
| <b>2.2</b> | <b>Thang máy lò S1</b>                                                                                                                                                                | <b>1</b>           |                  |
| 2.2.1      | Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, puly                                                                                                                                            |                    | 2                |
| 2.2.2      | Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam dè hộp gate, bánh xe hộp gate, thông cửa, yếm treo cửa, các puly cửa, dây curoa cửa, ... |                    | 2                |
| 2.2.3      | Đầu cửa cabin: Các bulông định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...                                                                                                  |                    | 2                |
| 2.2.4      | Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulông định vị.            |                    | 2                |
| 2.2.5      | Sự gá lắp, các bạc đạn, puly, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích                                                                              |                    | 2                |
| 2.2.6      | Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng                                                                                                  |                    | 2                |
| 2.2.7      | Các dây dẫn, bộ encoder                                                                                                                                                               |                    | 2                |
| 2.2.8      | - Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa<br>- Đèn hiển thị, nút nhấn                                                            |                    | 2                |
| 2.2.9      | Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulông định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)                                        |                    | 2                |
| 2.2.10     | Độ sáng và sự tác động của photocell                                                                                                                                                  |                    | 2                |
| 2.2.11     | Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ                                                                                                                                   |                    | 2                |
| 2.2.12     | Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulông khoá dây, các dây buộc...                                                                          |                    | 2                |
| 2.2.13     | Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,                                                                                                    |                    | 2                |
| 2.2.14     | - Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, puly cable, bạc đạn puly, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có)<br>- Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung  |                    | 2                |
| 2.2.15     | Sự gá lắp, các bracket, các đà giá...                                                                                                                                                 |                    | 2                |
| 2.2.16     | Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulông, vít định vị                                                                                         |                    | 2                |
| 2.2.17     | Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...                                                                                                             |                    | 2                |
| 2.2.18     | Các bulông định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, puly, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor                                      |                    | 2                |
| 2.2.19     | Bulông định vị, đèn dây cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded                                                                                                             |                    | 2                |
| 2.2.20     | Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dây bộ thắng, khe hở bộ thắng                                                                                                                         |                    | 2                |
| 2.2.21     | Kiểm tra tình trạng động cơ quạt                                                                                                                                                      |                    | 2                |
| 2.2.22     | Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động                                                                                                        |                    | 2                |
| 2.2.23     | Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.                                                                                                      |                    | 2                |
| <b>2.3</b> | <b>Thang máy lò S2</b>                                                                                                                                                                | <b>1</b>           |                  |
| 2.3.1      | Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, puly                                                                                                                                            |                    | 2                |
| 2.3.2      | Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam dè hộp gate, bánh xe hộp gate, thông cửa, yếm treo cửa, các puly cửa, dây curoa cửa, ... |                    | 2                |
| 2.3.3      | Đầu cửa cabin: Các bulông định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...                                                                                                  |                    | 2                |
| 2.3.4      | Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulông định vị.            |                    | 2                |
| 2.3.5      | Sự gá lắp, các bạc đạn, puly, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích                                                                              |                    | 2                |
| 2.3.6      | Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng                                                                                                  |                    | 2                |
| 2.3.7      | Các dây dẫn, bộ encoder                                                                                                                                                               |                    | 2                |
| 2.3.8      | - Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa<br>- Đèn hiển thị, nút nhấn                                                            |                    | 2                |
| 2.3.9      | Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulông định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)                                        |                    | 2                |
| 2.3.10     | Độ sáng và sự tác động của photocell                                                                                                                                                  |                    | 2                |

| STT        | Nội dung công việc                                                                                                                                                                    | Số lượng<br>thang máy | Số lần thực hiện |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------|
| 2.3.11     | Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ                                                                                                                                   |                       | 2                |
| 2.3.12     | Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...                                                                          |                       | 2                |
| 2.3.13     | Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail.                                                                                                    |                       | 2                |
| 2.3.14     | - Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, puly cable, bạc đạn puly, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có)<br>- Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung  |                       | 2                |
| 2.3.15     | Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...                                                                                                                                                 |                       | 2                |
| 2.3.16     | Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị                                                                                         |                       | 2                |
| 2.3.17     | Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...                                                                                                             |                       | 2                |
| 2.3.18     | Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, puly, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor                                      |                       | 2                |
| 2.3.19     | Bulông định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded                                                                                                             |                       | 2                |
| 2.3.20     | Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng                                                                                                                         |                       | 2                |
| 2.3.21     | Kiểm tra tình trạng động cơ quạt                                                                                                                                                      |                       | 2                |
| 2.3.22     | Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động                                                                                                        |                       | 2                |
| 2.3.23     | Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.                                                                                                      |                       | 2                |
| <b>2.4</b> | <b>Thang máy ống khói</b>                                                                                                                                                             | <b>1</b>              |                  |
| 2.4.1      | Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, puly                                                                                                                                            |                       | 2                |
| 2.4.2      | Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các puly cửa, dây curoa cửa, ...  |                       | 2                |
| 2.4.3      | Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...                                                                                                  |                       | 2                |
| 2.4.4      | Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.            |                       | 2                |
| 2.4.5      | Sự gá lắp, các bạc đạn, puly, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích                                                                              |                       | 2                |
| 2.4.6      | Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng                                                                                                  |                       | 2                |
| 2.4.7      | Các dây dẫn, bộ encoder                                                                                                                                                               |                       | 2                |
| 2.4.8      | - Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa<br>- Đèn hiển thị, nút nhấn                                                            |                       | 2                |
| 2.4.9      | Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiếng kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)                                       |                       | 2                |
| 2.4.10     | Độ sáng và sự tác động của photocell                                                                                                                                                  |                       | 2                |
| 2.4.11     | Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ                                                                                                                                   |                       | 2                |
| 2.4.12     | Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...                                                                          |                       | 2                |
| 2.4.13     | Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail.                                                                                                    |                       | 2                |
| 2.4.14     | - Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, puly cable, bạc đạn puly, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có)<br>- Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung  |                       | 2                |
| 2.4.15     | Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...                                                                                                                                                 |                       | 2                |
| 2.4.16     | Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...                                                                                                             |                       | 2                |
| 2.4.17     | Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, puly, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor                                      |                       | 2                |
| 2.4.18     | Bulông định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded                                                                                                             |                       | 2                |
| 2.4.19     | Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng                                                                                                                         |                       | 2                |
| 2.4.20     | Kiểm tra tình trạng động cơ quạt                                                                                                                                                      |                       | 2                |
| 2.4.21     | Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động                                                                                                        |                       | 2                |
| 2.4.22     | Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.                                                                                                      |                       | 2                |
| <b>2.5</b> | <b>Thang máy nhà CCB</b>                                                                                                                                                              | <b>1</b>              |                  |
| 2.5.1      | Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, puly                                                                                                                                            |                       | 2                |
| 2.5.2      | Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. thống cửa, yếm treo cửa, các puly cửa, dây curoa cửa, ... |                       | 2                |
| 2.5.3      | Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...                                                                                                  |                       | 2                |
| 2.5.4      | Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.            |                       | 2                |

| STT    | Nội dung công việc                                                                                                                                                                     | Số lượng thang máy | Số lần thực hiện                                       |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------|
| 2.5.5  | Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càng chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích                                                                             |                    | 2                                                      |
| 2.5.6  | Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bó thắng, trống thắng, càng thắng, công tắc thắng                                                                                                  |                    | 2                                                      |
| 2.5.7  | Các dây dẫn, bộ encoder                                                                                                                                                                |                    | 2                                                      |
| 2.5.8  | - Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa<br>- Đèn hiển thị, nút nhấn                                                             |                    | 2                                                      |
| 2.5.9  | Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)                                         |                    | 2                                                      |
| 2.5.10 | Độ sáng và sự tác động của photocell                                                                                                                                                   |                    | 2                                                      |
| 2.5.11 | Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ                                                                                                                                    |                    | 2                                                      |
| 2.5.12 | Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...                                                                           |                    | 2                                                      |
| 2.5.13 | Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,                                                                                                     |                    | 2                                                      |
| 2.5.14 | - Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có)<br>- Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung |                    | 2                                                      |
| 2.5.15 | Sự gá lắp, các bracket, các đà giá...                                                                                                                                                  |                    | 2                                                      |
| 2.5.16 | Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị                                                                                          |                    | 2                                                      |
| 2.5.17 | Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...                                                                                                              |                    | 2                                                      |
| 2.5.18 | Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor                                      |                    | 2                                                      |
| 2.5.19 | Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded                                                                                                              |                    | 2                                                      |
| 2.5.20 | Kiểm tra bó thắng có bị mòn, độ dày bó thắng, khe hở bó thắng                                                                                                                          |                    | 2                                                      |
| 2.5.21 | Kiểm tra tình trạng động cơ quạt                                                                                                                                                       |                    | 2                                                      |
| 2.5.22 | Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động                                                                                                         |                    | 2                                                      |
| 2.5.23 | Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.                                                                                                       |                    | 2                                                      |
| 3      | <b>Kiểm tra bảo dưỡng thang máy 6 tháng 1 lần</b>                                                                                                                                      | 1                  | Không bao gồm hạng mục kiểm tra hàng tháng và 03 tháng |
| 3.1    | <b>Thang máy Nhà Admin</b>                                                                                                                                                             |                    |                                                        |
| 3.1.1  | Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully                                                                                                                                            |                    | 2                                                      |
| 3.1.2  | Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam dè hộp gate, bánh xe hộp gate, thống cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ... |                    | 2                                                      |
| 3.1.3  | Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...                                                                                                   |                    | 2                                                      |
| 3.1.4  | Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.             |                    | 2                                                      |
| 3.1.5  | Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càng chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích                                                                             |                    | 2                                                      |
| 3.1.6  | Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bó thắng, trống thắng, càng thắng, công tắc thắng                                                                                                  |                    | 2                                                      |
| 3.1.7  | Các dây dẫn, bộ encoder                                                                                                                                                                |                    | 2                                                      |
| 3.1.8  | - Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa<br>- Đèn hiển thị, nút nhấn                                                             |                    | 2                                                      |
| 3.1.9  | Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)                                         |                    | 2                                                      |
| 3.1.10 | Độ sáng và sự tác động của photocell                                                                                                                                                   |                    | 2                                                      |
| 3.1.11 | Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ                                                                                                                                    |                    | 2                                                      |
| 3.1.12 | Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...                                                                           |                    | 2                                                      |
| 3.1.13 | Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,                                                                                                     |                    | 2                                                      |
| 3.1.14 | - Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có)<br>- Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung |                    | 2                                                      |
| 3.1.15 | Sự gá lắp, các bracket, các đà giá...                                                                                                                                                  |                    | 2                                                      |
| 3.1.16 | Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị                                                                                          |                    | 2                                                      |
| 3.1.17 | Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...                                                                                                              |                    | 2                                                      |
| 3.1.18 | Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor                                      |                    | 2                                                      |
| 3.1.19 | Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded                                                                                                              |                    | 2                                                      |

| STT        | Nội dung công việc                                                                                                                                                                     | Số lượng thang máy | Số lần thực hiện |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|
| 3.1.20     | Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng                                                                                                                          |                    | 2                |
| 3.1.21     | Kiểm tra tình trạng động cơ quạt                                                                                                                                                       |                    | 2                |
| 3.1.22     | Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động                                                                                                         |                    | 2                |
| 3.1.23     | Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.                                                                                                       |                    | 2                |
| 3.1.24     | Bôi trơn các con lăn dự phòng của bộ truyền động (thay thế các vật tư hư hỏng nếu có)                                                                                                  |                    | 2                |
| <b>3.2</b> | <b>Thang máy lò S1</b>                                                                                                                                                                 | <b>1</b>           |                  |
| 3.2.1      | Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully                                                                                                                                            |                    | 2                |
| 3.2.2      | Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. thống cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ... |                    | 2                |
| 3.2.3      | Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...                                                                                                   |                    | 2                |
| 3.2.4      | Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.             |                    | 2                |
| 3.2.5      | Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích                                                                              |                    | 2                |
| 3.2.6      | Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng                                                                                                   |                    | 2                |
| 3.2.7      | Các dây dẫn, bộ encoder                                                                                                                                                                |                    | 2                |
| 3.2.8      | - Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa<br>- Đèn hiển thị, nút nhấn                                                             |                    | 2                |
| 3.2.9      | Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)                                         |                    | 2                |
| 3.2.10     | Độ sáng và sự tác động của photocell                                                                                                                                                   |                    | 2                |
| 3.2.11     | Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ                                                                                                                                    |                    | 2                |
| 3.2.12     | Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...                                                                           |                    | 2                |
| 3.2.13     | Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,                                                                                                     |                    | 2                |
| 3.2.14     | - Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có)<br>- Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung |                    | 2                |
| 3.2.15     | Sự gá lắp, các bracket, các đà giá...                                                                                                                                                  |                    | 2                |
| 3.2.16     | Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị                                                                                          |                    | 2                |
| 3.2.17     | Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...                                                                                                              |                    | 2                |
| 3.2.18     | Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor                                      |                    | 2                |
| 3.2.19     | Bulông định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded                                                                                                              |                    | 2                |
| 3.2.20     | Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng                                                                                                                          |                    | 2                |
| 3.2.21     | Kiểm tra tình trạng động cơ quạt                                                                                                                                                       |                    | 2                |
| 3.2.22     | Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động                                                                                                         |                    | 2                |
| 3.2.23     | Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.                                                                                                       |                    | 2                |
| 3.2.24     | Bôi trơn các con lăn dự phòng của bộ truyền động (thay thế các vật tư hư hỏng nếu có)                                                                                                  |                    | 2                |
| <b>3.3</b> | <b>Thang máy lò S2</b>                                                                                                                                                                 | <b>1</b>           |                  |
| 3.3.1      | Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully                                                                                                                                            |                    | 2                |
| 3.3.2      | Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. thống cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ... |                    | 2                |
| 3.3.3      | Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...                                                                                                   |                    | 2                |
| 3.3.4      | Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.             |                    | 2                |
| 3.3.5      | Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chảy rỉ nhớt ở các mặt bích                                                                              |                    | 2                |
| 3.3.6      | Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng                                                                                                   |                    | 2                |
| 3.3.7      | Các dây dẫn, bộ encoder                                                                                                                                                                |                    | 2                |
| 3.3.8      | - Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa<br>- Đèn hiển thị, nút nhấn                                                             |                    | 2                |
| 3.3.9      | Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)                                         |                    | 2                |
| 3.3.10     | Độ sáng và sự tác động của photocell                                                                                                                                                   |                    | 2                |
| 3.3.11     | Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ                                                                                                                                    |                    | 2                |
| 3.3.12     | Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...                                                                           |                    | 2                |
| 3.3.13     | Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,                                                                                                     |                    | 2                |

| STT        | Nội dung công việc                                                                                                                                                                   | Số lượng thang máy | Số lần thực hiện |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|
| 3.3.14     | - Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, puly cable, bạc đạn puly, kiềng chống nhảy poid, thăng cơ (nếu có)<br>- Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung |                    | 2                |
| 3.3.15     | Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...                                                                                                                                                |                    | 2                |
| 3.3.16     | Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị                                                                                        |                    | 2                |
| 3.3.17     | Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...                                                                                                            |                    | 2                |
| 3.3.18     | Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, puly, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor                                     |                    | 2                |
| 3.3.19     | Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded                                                                                                            |                    | 2                |
| 3.3.20     | Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng                                                                                                                        |                    | 2                |
| 3.3.21     | Kiểm tra tình trạng động cơ quạt                                                                                                                                                     |                    | 2                |
| 3.3.22     | Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động                                                                                                       |                    | 2                |
| 3.3.23     | Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.                                                                                                     |                    | 2                |
| 3.3.24     | Bôi trơn các con lăn dự phòng của bộ truyền động (thay thế các vật tư hư hỏng nếu có)                                                                                                |                    | 2                |
| <b>3.4</b> | <b>Thang máy ống khói</b>                                                                                                                                                            | <b>1</b>           |                  |
| 3.4.1      | Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, puly                                                                                                                                           |                    | 2                |
| 3.4.2      | Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. Kiểm cửa, yếm treo cửa, các puly cửa, dây curoa cửa, ... |                    | 2                |
| 3.4.3      | Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...                                                                                                 |                    | 2                |
| 3.4.4      | Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.           |                    | 2                |
| 3.4.5      | Sự gá lắp, các bạc đạn, puly, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chày ri nhót ở các mặt bích                                                                             |                    | 2                |
| 3.4.6      | Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng                                                                                                 |                    | 2                |
| 3.4.7      | Các dây dẫn, bộ encoder                                                                                                                                                              |                    | 2                |
| 3.4.8      | - Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa<br>- Đèn hiển thị, nút nhấn                                                           |                    | 2                |
| 3.4.9      | Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, ri sét, độ mòn...)                                       |                    | 2                |
| 3.4.10     | Độ sáng và sự tác động của photocell                                                                                                                                                 |                    | 2                |
| 3.4.11     | Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ                                                                                                                                  |                    | 2                |
| 3.4.12     | Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buột...                                                                         |                    | 2                |
| 3.4.13     | Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail,                                                                                                   |                    | 2                |
| 3.4.14     | - Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, puly cable, bạc đạn puly, kiềng chống nhảy poid, thăng cơ (nếu có)<br>- Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung |                    | 2                |
| 3.4.15     | Sự gá lắp, các bracket, các đà giả...                                                                                                                                                |                    | 2                |
| 3.4.16     | Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...                                                                                                            |                    | 2                |
| 3.4.17     | Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, puly, ty cable, cam chết của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor                                     |                    | 2                |
| 3.4.18     | Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded                                                                                                            |                    | 2                |
| 3.4.19     | Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng                                                                                                                        |                    | 2                |
| 3.4.20     | Kiểm tra tình trạng động cơ quạt                                                                                                                                                     |                    | 2                |
| 3.4.21     | Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động                                                                                                       |                    | 2                |
| 3.4.22     | Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.                                                                                                     |                    | 2                |
| 3.4.23     | Bôi trơn các con lăn dự phòng của bộ truyền động (thay thế các vật tư hư hỏng nếu có)                                                                                                |                    | 2                |

010  
CHI N  
ÁT ĐIỆN  
ĐOÀN C  
NG LƯU  
VIỆT  
H PH

| STT        | Nội dung công việc                                                                                                                                                                     | Số lượng thang máy | Số lần thực hiện |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|
| <b>3.5</b> | <b>Thang máy nhà CCB</b>                                                                                                                                                               | <b>1</b>           |                  |
| 3.5.1      | Kiểm tra các tiếp điểm, phần tạ văng, pully                                                                                                                                            |                    | 2                |
| 3.5.2      | Cửa cabin: Bánh xe treo, cable, bánh xe cable, các đầu nối cable, rail cửa car, bánh xe. Cam đề hộp gate, bánh xe hộp gate. thống cửa, yếm treo cửa, các pully cửa, dây curoa cửa, ... |                    | 2                |
| 3.5.3      | Đầu cửa cabin: Các bulong định vị, điện trở cửa, encoder, các switch giới hạn cửa...                                                                                                   |                    | 2                |
| 3.5.4      | Bánh xe treo cửa, rail cửa tầng, các dây nối đến tiếp điểm door lock, mặt vít door lock. Bánh xe cable cửa, cable cửa và các đầu tán. Bánh xe sai tâm, các bulong định vị.             |                    | 2                |
| 3.5.5      | Sự gá lắp, các bạc đạn, pully, hộp đầu dây, tiếng rần, càn chống trật cáp. Sự chày ri nhớt ở các mặt xích                                                                              |                    | 2                |
| 3.5.6      | Tất cả các chốt thắng, lò xo thắng, bộ thắng, trống thắng, càn thắng, công tắc thắng                                                                                                   |                    | 2                |
| 3.5.7      | Các dây dẫn, bộ encoder                                                                                                                                                                |                    | 2                |
| 3.5.8      | - Các cao su giới hạn cửa, bao che cửa, door lock, bao che đầu cửa. Sill cửa tầng, góc mép cửa<br>- Đèn hiển thị, nút nhấn                                                             |                    | 2                |
| 3.5.9      | Sự gá lắp, độ mòn, sự di chuyển, các tiến kêu khi chuyển động, các bulong định vị, các đầu và dây safety shoes (Sự nứt, nổ, rỉ sét, độ mòn...)                                         |                    | 2                |
| 3.5.10     | Độ sáng và sự tác động của photocell                                                                                                                                                   |                    | 2                |
| 3.5.11     | Độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ                                                                                                                                    |                    | 2                |
| 3.5.12     | Sự gá lắp, tấm treo cable, sự hư hại, chai cứng của cable, các đầu nối, các bulong khoá dây, các dây buộc...                                                                           |                    | 2                |
| 3.5.13     | Tiếng kêu, sự gá lắp, sự nứt, vỡ, độ mòn, mặt tiếp xúc với rail, lực nén vào rail.                                                                                                     |                    | 2                |
| 3.5.14     | - Khung đối trọng, đầu cable, các poid đối trọng, pully cable, bạc đạn pully, kiềng chống nhảy poid, thắng cơ (nếu có)<br>- Liên kết của khung ngang và khung đứng, sự biến dạng khung |                    | 2                |
| 3.5.15     | Sự gá lắp, các bracket, các đà giã...                                                                                                                                                  |                    | 2                |
| 3.5.16     | Hộp giữa tầng, máng, ống đi dây, các domino, các ổ cắm, đèn hồ thang, các bulong, vít định vị                                                                                          |                    | 2                |
| 3.5.17     | Sự gá lắp, sự tác động của công tắc hồ thang, domino, các hộp giới hạn...                                                                                                              |                    | 2                |
| 3.5.18     | Các bulong định vị phòng thang, khung chắn bảo vệ, đèn chiếu sáng cabin, pully, ty cable, cam chốt của hộp giới hạn, các điểm nối cho bộ governor                                      |                    | 2                |
| 3.5.19     | Bulong định vị, đèn đáy cabin, các cao su cho over loaded, bộ over loaded                                                                                                              |                    | 2                |
| 3.5.20     | Kiểm tra bộ thắng có bị mòn, độ dày bộ thắng, khe hở bộ thắng                                                                                                                          |                    | 2                |
| 3.5.21     | Kiểm tra tình trạng động cơ quạt                                                                                                                                                       |                    | 2                |
| 3.5.22     | Sự di chuyển của cable governor, dây cordon, xích bù trừ khi thang chuyển động                                                                                                         |                    | 2                |
| 3.5.23     | Kiểm tra chức năng của bộ hạ khẩn cấp trong phạm vi ít nhất một lần chuyển tầng.                                                                                                       |                    | 2                |
| 3.5.24     | Bôi trơn các con lăn dự phòng của bộ truyền động (thay thế các vật tư hư hỏng nếu có)                                                                                                  |                    | 2                |

Ghi chú:

- Bằng chi phí của mình, Nhà thầu phải cung cấp vật tư tiêu hao để thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa, hoàn thành phạm vi công việc theo yêu cầu của Hợp đồng.
- Trong vòng 10 ngày đầu của tháng, nhà thầu phải hoàn thiện toàn bộ phạm vi công việc của kiểm tra, bảo dưỡng các thang máy.
- Nhà thầu cam kết nhân viên kỹ thuật của Nhà thầu đến hiện trường xử lý sự cố không quá 24 giờ, kể từ khi Chủ đầu tư thông báo sự cố cho Nhà thầu;
- Nhà thầu cam kết trong thời gian 72 giờ kể từ lúc nghiệm thu hoàn thành công tác bảo trì, bảo dưỡng nếu có sự cố, bất thường bị được xác định do lỗi thuộc phạm vi công việc của nhà thầu gây ra, Nhà thầu phải thực hiện khắc phục tất cả các công việc và không được chi trả chi phí